

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Trí;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án, tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

**- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tĩnh - kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/ 2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T - Sinh năm 1987.

Trú tại: Khu 3, TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 3, TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn, anh Nguyễn Quang T trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

*Về hôn nhân:* Anh T và chị Lê Thị L kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/9/2011, số 37.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không khí gia đình thường xuyên căng thẳng và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với chị L.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H - Sinh ngày 16/10/2014.

Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, tại phiên Tòa anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng từ nay cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

*Về tài sản, công nợ:* Vợ chồng không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn, chị L khai tại bản tự khai ngày 07/7/2020, như sau:

*Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Quang T thương yêu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2011 tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Sau khi chị sinh con vào năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, nay anh T yêu cầu ly hôn chị, chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài hơn được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Chị L công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H - Sinh ngày 16/10/2014.

Chị đồng ý giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ:* Vợ chồng không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T về việc ly hôn với chị Lê Thị L. Giao cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là cháu H. Chị L không phải cấp phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn, anh Nguyễn Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con; Bị đơn chị Lê Thị L có địa chỉ tại TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T và chị Lê Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/9/2011. Nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên đương sự thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay cãi vã lẫn nhau và thực tế vợ chồng đã không chung sống cùng nhau nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn.

Như vậy, hai bên không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng như: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị L, chị cũng đồng ý. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của anh T.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Quang T và chị Lê Thị L đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang H - Sinh ngày 16/10/2014.

Xét nguyện vọng, đề nghị của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H là có cơ sở, bởi lẽ từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở cùng với anh T, cháu đang phát triển bình thường về mọi mặt, mặt khác chị L cũng đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, tiếp tục giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên Tòa anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con từ nay cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của cơ quan có thẩm quyền.

[4]. Về tài sản và công nợ: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Quang T đối với chị Lê Thị L.

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Quang T được ly hôn với chị Lê Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 30/9/2011 tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp cho anh T và chị L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Quang H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2018/ 0007349 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, anh T đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân
- Chi cục THA DS huyện Thọ Xuân;
- UBND TT Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**